

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/KDTM-ST.

Ngày: 26/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuất Thị Khuyên

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 55/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần CTVN.

Địa chỉ: Số 109 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Trung H- Cán bộ phòng tổng hợp Ngân hàng CTVN – chi nhánh HM, theo Văn bản uỷ quyền số 104/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 18/02/2019.

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho cho ông Lương Trung H – Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn BM, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phan Văn D, sinh năm 1971. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1977. Vắng mặt.
- Ông Phan Văn N, sinh năm 1949. Vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947. Vắng mặt
- Anh Phan Văn V, sinh năm 1998. Vắng mặt
- Chị Phan Thị H, sinh năm 2000. Vắng mặt
- Cháu Phan Thị G, sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu G: Anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O (là bố mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/5/2020 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP CTVN và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 28/6/2011, Ngân hàng TMCP CTVN và ông Nguyễn Đình H đã ký Hợp đồng tín dụng số 03/T06/2011/HĐTD, theo đó ông H vay ngân hàng số tiền 700.000.000đồng để kinh doanh nước giải khát.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông H tại Ngân hàng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 10, diện tích 99.6m², theo GCNQSD đất số AB 890191, số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00770/QSDĐ/1627/QĐ-UB, do UBND huyện TT cấp ngày 07/7/2008 cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị T. Ngày 11/11/2009, anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng số 375 ngày 02/11/2009, theo hợp đồng thế chấp sổ công chứng 10190/2010/HĐTC, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2010.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nguyễn Đình H đã không thực hiện trả nợ đúng và đầy đủ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, dẫn tới toàn bộ dư nợ nêu trên chuyển sang nợ quá hạn tại Ngân hàng kể từ ngày 28/12/2011.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có biên bản đơn đốc yêu cầu ông Nguyễn Đình H và gia đình thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Nguyễn Đình H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Tính đến ngày 27/5/2020 ông H còn nợ ngân hàng số tiền tổng là 1.721.997.222đồng, trong đó tiền gốc là 685.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 707.298.597đồng; tiền lãi quá hạn là 329.698.625 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông H phải trả số tiền tổng tính đến ngày 25/9/2020 là 1.757.360.364đ (*Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: Số tiền gốc là 685.000.000 đồng; lãi quá hạn là 341.486.350 đồng; lãi trong hạn là 730.874.014 đồng và trả lãi phát sinh theo

mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 03/T06/2011/HĐTD ngày 28/6/2011, kể từ ngày 26/9/2020 cho đến ngày thực tế ông H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của các bên liên quan theo hợp đồng thế chấp số công chứng 10190/2010/HĐTC, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2010 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông H tại Ngân hàng thì ông H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020. ông Nguyễn Đình H khai:

Ông thừa nhận, năm 2011, Ngân hàng TMCP CTVN và ông Nguyễn Đình H đã ký Hợp đồng tín dụng, theo đó ông H vay ngân hàng số tiền 700.000.000đồng để kinh doanh nước giải khát. Lãi suất, thời hạn vay thì ông không nhớ.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông H tại Ngân hàng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 10, diện tích 99.6m², tại xã HB, huyện TT. Thửa đất này là đất của anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O, hàng xóm với ông H.

Quá trình vay tiền ông H mới trả được 15.000.000đồng tiền gốc, sau đó không trả được nợ như đã thỏa thuận với ngân hàng do làm ăn thua lỗ, không gặp. Nay ông H có nguyện vọng xin được trả dần số tiền gốc, còn tiền lãi thì ông xin miễn.

Do ông bận việc nên ông nhất trí uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Đ, vợ ông. Ông nhất trí với mọi ý kiến của bà Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn D khai:

Anh không có quan hệ thân thích gì với ông Nguyễn Đình H mà chỉ là hàng xóm. Năm 2010, anh D cùng vợ là chị O đã thế chấp thửa đất số 250, tờ bản đồ số 10, diện tích 99.6m² tại xã HB, huyện TT để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay của ông Nguyễn Đình H tại ngân hàng. Thửa đất này là đất của bố mẹ anh D tặng cho anh D, chị O. Hiện trên đất có anh D, chị O cùng bố mẹ anh D là ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị T cùng các con là anh Phan Văn V, chị Phan Thị H và cháu Phan Thị G đang ở.

Nay ngân hàng yêu cầu ông H trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H không trả được nợ, anh D không đồng ý.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O, ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị T, anh Phan Văn V, chị Phan Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án đã nhiều lần đến gia đình nhưng các đương sự trên đều vắng nhà nên ngày 27/8/2020 Tòa án cùng với chính quyền địa phương xã HB lập biên bản về việc không ghi được lời khai của các đương sự trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 351, 385, 398, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng CTVN và bị đơn là ông Nguyễn Đình H. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TT, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập đến phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng tín dụng số 03/T06/2011/HĐTD ngày 28/6/2011 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 28/6/2011 được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP CTVN đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân các khoản vay cho ông H theo thỏa thuận. Tuy nhiên ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Ngày 04/12/2012 ngân hàng đã có Thông báo về việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay và nhiều lần làm việc với ông H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H không thực hiện. Ngày 20/7/2014 CTVN đã khởi kiện ông H tại Tòa án.

Tính đến ngày 25/9/2020, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP CTVN tổng số tiền là 1.757.360.364đ (*Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: Số tiền gốc là 685.000.000 đồng; lãi

quá hạn là 341.486.350 đồng; lãi trong hạn là 730.874.014 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh sau ngày 25/9/2020 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. *(tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của PG Bank).*

Kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi thanh toán xong, phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP CTVN.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP CTVN.

Hợp đồng thế chấp số công chứng 10190/2010/HĐTC, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2010 tại Văn phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 14/12/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT, Thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng CTVN (bên nhận thế chấp) với anh Phan Văn D, chị Nguyễn Thị O (bên thế chấp); đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2020 thì: Trên thửa đất số 250, tờ bản đồ số 10, diện tích 99.6m² tại xã HB, huyện TT, theo GCNQSD đất số AB 890191, số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00770/QSDĐ/1627/QĐ-UB, do UBND huyện TT cấp ngày 07/7/2008 cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị T. Ngày 11/11/2009, anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng số 375 ngày 02/11/2009 có 01 nhà cấp 4 mái ngói; 01 nhà cấp 4 mái tôn; 01 sân lát gạch đỏ và công, được thể hiện trong nội dung hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của gia đình anh Phan Văn D. Hiện nay có anh Phan Văn D, chị Nguyễn Thị O, ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị T, anh Phan Văn V, chị Phan Thị H và cháu Phan Thị G đang sinh sống trên đất này.

Do vậy trường hợp ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng CTVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số: 10190/2010/HĐTC, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2010 tại Văn phòng công chứng số 6, Thành phố Hà Nội.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng CTVN tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng CTVN đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xét ông Nguyễn Đình H thuộc hộ cận nghèo và có

đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình H.

Trả lại Ngân hàng CTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 335, 351, 385, 398, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CTVN.

Buộc ông Nguyễn Đình H phải thanh toán trả cho Ngân hàng VTMCP CTVN số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2020 là 1.757.360.364đ (*Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: Số tiền gốc là 685.000.000 đồng; lãi quá hạn là 341.486.350 đồng; lãi trong hạn là 730.874.014 đồng.

Kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi thanh toán xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng CTVN.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất thì lãi suất mà ông H phải chịu theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng CTVN.

Kể từ khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng CTVN phải giải chấp tài sản thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00770/QSDĐ/1627/QĐ-UB, do UBND huyện TT cấp ngày 07/7/2008 cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị T. Ngày 11/11/2009, anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng số 375 ngày 02/11/2009, cho anh D, chị O.

1.2. Trường hợp ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng CTVN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 10, diện tích 99.6m², theo GCNQSD đất số AB 890191, số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00770/QSDĐ/1627/QĐ-UB, do UBND huyện TT cấp ngày 07/7/2008 cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị T. Ngày 11/11/2009, anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị O nhận tặng cho thửa đất theo hợp đồng số 375 ngày 02/11/2009, theo hợp đồng thế chấp số công chứng 10190/2010/HĐTC, quyền số 01/TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 13/12/2010 tại Văn phòng công chứng số 6, Thành phố Hà Nội, để thu hồi nợ.

Trường hợp phải xử lý các tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự có tên trên, các cá nhân, tổ chức nào đang thực tế sử dụng, sinh sống tại diện tích đất nêu trên cũng phải thực hiện nghĩa vụ dời đi chỗ khác để thi hành án.

1.3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình H. Hoàn trả cho Ngân hàng CTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.830.000đ (*Ba mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số AB/2014/07418 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng CTVN chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng CTVN đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu HSVA.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa